TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - D - Hạnh Pc**

Bản án số: 08/2022/HS-ST
Ngày 06 - 4 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Bá Thanh**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Lý Đức Thà.**
2**.** Ông **Lê Đ Tiến.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nông Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

- *Đ diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:* Ông **Hoàng Văn Giang** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 4 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2022/TLST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2022 đối với các bị cáo:

1- Họ và tên: Lục Văn T (tên gọi khác: Không có), sinh ngày: 13 tháng 7 năm 1988, tại xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; Nơi ĐKHKTT: Xóm P, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Lao động D; Trình độ văn hóa: 12/12 PT; Đảng, Đ thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (đã bị UBKT Huyện ủy Q ra quyết định đình chỉ sinh hoạt Đảng số: 28/QĐ-UBKTHU ngày 15/3/2022); Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc Tịch: Việt Nam; Con ông Lục Văn L và bà Trương Thị R; Anh chị em Rột có 05 anh chị em, bị cáo là con út trong gia đình; Có vợ: Bế Thị A Ng, sinh năm 1989 và có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không có; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/02/2022 đến nay. Bị cáo mặt tại phiên tòa.

2- Họ và tên: Hoàng Văn T (tên gọi khác: Không có), sinh ngày: 28 tháng 01 năm 1991, tại xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; Nơi ĐKHKTT: Xóm P, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 12/12 PT; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc Tịch: Việt Nam; Con ông D và bà C (đều đã chết); Anh chị em Rột có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Có vợ: H, sinh năm 1993 và có 01 con, sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự:

Không có; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/02/2022 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3- Họ và tên: Ng (tên gọi khác: Không có), sinh ngày: 16 tháng 01 năm 1988, tại xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; Nơi ĐKHKTT: Xóm T, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: Mù chữ; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc Tịch: Việt Nam; Con ông S và bà Kh; Anh chị em Rột có 04 anh chị em, bị cáo là con cả trong gia đình; Có chồng: Tr, sinh năm 1987 và có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không có; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/02/2022 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lục Văn T:* Ông **Bế Văn B**, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn T và Ng:* Bà **Lý Thị Nh**, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, đồng thời là người làm chứng trong vụ án gồm:*

1. H, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Xóm T, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng (có mặt).

2. L, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Xóm T, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng (có mặt).

3. Đ, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Xóm T, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng (có mặt).

- *Người phiên dịch tiếng Nùng:* Ông **L.** Trú tại: Tổ Đ, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 10/12/2021, tại nhà của Lục Văn T, trú tại xóm P, C, Q Lục Văn T và Hoàng Văn T (cùng xóm) bàn bạc với nhau chung vốn mua trâu để bán sang TRng Quốc kiếm lời, T là người trực tiếp giao dịch và tìm thuê người vận chuyển. T góp 40.000.000đ, còn lại là tiền của T. Ngày 15/12/2021, T và T mua được 03 con trâu đực, màu lông đen với Nông Văn P, sinh năm 1986, trú tại xã D, huyện H, với giá 126.400.000đ; ngày 16/12/2021, cả hai mua thêm được 01 con trâu đực với Hoàng Văn Đ, sinh năm 1994, trú tại L, C, Q với giá 45.000.000đ. Cả 04 con trâu được gửi nhờ tại chuồng trâu của Lưu Văn Đ, trú tại N, C, Q. Sau khi gom đủ số trâu, T liên lạc với người TRung Quốc tên "Woong" qua ứng dụng Wechat để thỏa thuận, thống nhất giá bán 04 con trâu là 51.500 Nhân dân tệ, tiền sẽ được thanh toán khi nhận đủ số trâu. Woong còn yêu cầu đA số ký hiệu lên sừng trâu theo số la mã IV, VI, VII, VIII và thông báo sẽ nhận trâu tại mốc biên giới 715 thuộc xóm Lũng Giỏng, C, Q. Để trA các chốt của Bộ đội biên phòng, T đã nhờ Lưu Văn Đ để tìm người vận chuyển trâu từ chuồng của Đ giao cho Sầm Văn L, trú tại N, C, Q

với giá 100.000đ/01 con để L tiếp tục tìm người vận chuyển đến khu vực đồi thông thuộc xóm T, C giao cho Ng, với giá 130.000đ/01 con. Đ đã tìm 04 người gồm: Phan Thị T, Giang Thị Đ, Trương Thị M và Dương Thị Kim Đ cùng trú tại N, C, Q vận chuyển trâu giao cho L. Sau khi nhận trâu, L một mình dắt 02 con, còn lại 02 con L thuê Nông Thị Ng và Phan Văn D cùng trú tại N, C cùng dắt. Sau đó, T gọi Đ thoại cho Ng ra khu vực đồi thông nhận trâu và tìm người vận chuyển trâu lên Mốc biên giới để giao cho người TRung Quốc với giá là 300.000đ/01 con. Nhưng do người TRng Quốc chưa ra nhận nên T báo cho Ng tiếp tục trông giữ trâu ở đồi thông. Đến ngày 17/12/2021, khoảng 9 giờ, T báo cho Ng vận chuyển trâu từ khu vực đồi thông lên Mốc 715. Ng trực tiếp dắt 01 con và thuê H, L, Đ cùng trú tại T, C, Q dắt 03 con còn lại. Khoảng 17 giờ cùng ngày, khi Ng và H, L, Đ đang tập kết trâu ở Mốc 715 đợi người TRng Quốc đến nhận, thì bị các cơ quan chức năng bắt quả tang thu giữ 04 con trâu và 04 chiếc Đ thoại di động. Tại hiện trường bắt quả tang còn phát hiện thu giữ 06 con trâu và 01 chiếc Đ thoại di động đối với Phan Trịnh T, trú tại Q, thị trấn L, Kh. Nhưng không liên quan đến Lục Văn T và đồng phạm.

Tại Cơ quan điều tra Lục Văn T, Hoàng Văn T và Ng đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội Buôn lậu và vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

Ngày 18/12/2021, các cơ quan chức năng đã tiến hành cân xác định trọng lượng tang vật thu giữ được. Tổng 04 con trâu của Lục Văn T và Hoàng Văn T bị thu giữ có khối lượng là 1.920kg. Tại bản kết luận định giá số 456 ngày 21/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng huyện Q kết luận: Tổng 04 con trâu, khối lượng 1.920kg có trị giá 134.400.000đ (*Bút lục số: 43 - 48).*

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được, ngày 18/12/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q đã tạm giữ đối với Lục Văn T và Hoàng Văn T cùng 03 chiếc Đ thoại di động của Lục Văn T và Hoàng Văn T để điều tra (*Bút lục số: 05 - 20).*

Ngày 20/12/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q đã tiến hành khám xét chỗ ở của Lục Văn T và Hoàng Văn T. Qua khám xét thu giữ được 01 quyển vở dòng kẻ cũ đã qua sử dụng của Hoàng Văn T. Kết quả kiểm tra không có tài liệu, ghi chép liên quan đến vụ án (*Bút lục số: 36 - 42).*

Đối với Hoàng Văn Đ, Nông Văn P, Lưu Văn Đ, Phan Thị T, Giang Thị Đ, Trương Thị M, Dương Thị Kim Đ, Sầm Văn L, Phan Văn D và Nông Thị Ng đều tham gia vào quá trình mua bán, vận chuyển 04 con trâu là tang vật của vụ án. Tuy nhiên chỉ mua bán, vận chuyển trong khu vực nội địa Việt Nam, không biết mục đích mua bán, vận chuyển trái phép qua biên giới của Lục Văn T và Hoàng Văn T và Ng, nên hành vi không vi phạm pháp luật.

Trong vụ án này đối với Đ, L và H chỉ vận chuyển qua biên giới mỗi người 01 con trâu, giá trị hàng hóa dưới 100.000.000đ. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q ra Quyết định xử phạt hành chính là có căn cứ.

Đối với người TRng Quốc tên "Woong" quá trình điều tra không làm rõ được họ tên, địa chỉ cụ thể của người này nên không có căn cứ xử lý ở vụ án này.

Đối với Phan Trịnh T, hành vi có dấu hiệu phạm tội buôn lậu, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q đã khởi tố, điều tra để xử lý ở một vụ án khác.

- Về vật chứng của vụ án: Ngày 24/12/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q đã ra quyết định xử lý vật chứng số 01, bán vật chứng là 04 con trâu, số tiền bán là 130.620.000đ. Toàn bộ tiền bán vật chứng và số tang vật còn lại hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng Chi cục thi hành án dân sự huyện Q.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q đã đề nghị tRy tố bị cáo Lục Văn T và Hoàng Văn T về tội: "Buôn lậu" quy định tại khoản 1 Điều 188 Bộ luật hình sự; tRy tố Ng về tội: "Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới''quy định tại khoản 1 Điều 189 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng số: 06/CT-VKSHQ ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Q đã tRy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Q để xét xử các bị cáo Lục Văn T và Hoàng Văn T về tội: "Buôn lậu" quy định tại khoản 1 Điều 188 Bộ luật hình sự; Ng về tội: "Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới" quy định tại khoản 1 Điều 189 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu đều phù hợp với các tài liệu và lời khai của T, T và Ng có trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa sau khi trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm tRy tố các bị cáo Lục Văn T và Hoàng Văn T về tội: "Buôn lậu" quy định tại khoản 1 Điều 188 Bộ luật hình sự; Ng về tội: "Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới''quy định tại khoản 1 Điều 189 Bộ luật hình sự và áp dụng các căn cứ pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt đối với các bị cáo như sau:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 188; Điều 35; điểm i,s khoản 1 Điều 51; các Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật hình sự.

- *Về hình phạt:* Áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, xử phạt bị cáo Lục Văn T 40.000.000đ đến 45.000.000đ, để sung quỹ Nhà nước.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 188; Điều 35; điểm i,s khoản 1 Điều 51 các Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật hình sự.

- *Về hình phạt:* Áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 30.000.000đ đến 35.000.000đ, để sung quỹ Nhà nước.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 189; Điều 35; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự.

- *Về hình phạt:* Áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, xử phạt bị cáo Ng 12.000.000đ đến 15.000.000đ, để sung quỹ Nhà nước.

- Đề nghị áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 quyển vở có dòng kẻ, phần bìa vỏ có nhiều màu, bên trên có in dòng chữ "HỒNG HÀ", các trang giấy viết có nhiều chữ, số được viết bằng mực màu đen. Tình trạng quyển vở: cũ, đã qua sử dụng, phần bìa đã bị tách rời khỏi phần giấy viết, Hoàng Văn T không yêu cầu lấy lại.

+ Trả lại cho Đ, L và H 03 chiếc Đ thoại di động có gắn sim, không liên quan đến vụ án.

+ Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước số tiền 130.620.000đ, tiền bán 04 con trâu là vật chứng của vụ án.

+ Tịch thu, bán phát mại sung công quỹ Nhà nước gồm: 04 chiếc Đ thoại của T, T, Ng là Đ thoại các đối tượng sử dụng để liên lạc với người TRung Quốc và liên lạc với nhau trong quá trình mua bán, vận chuyển hàng hóa qua biên giới.

+ Tịch thu, tiêu hủy: 04 chiếc sim Đ thoại gắn trong các máy thu giữ, của T, T, Ng là những sim các đối tượng đã sử dụng liên lạc với người TRung Quốc và liên lạc với nhau trong vụ án.

Xác nhận các vật chứng trên hiện đang được lưu giữ tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

- Truy thu số tiền hưởng lợi bất chính từ việc vận chuyển, dắt trâu thuê, cụ thể như sau: Truy thu của Ng 450.000đ; Truy thu của L 250.000đ; Truy thu của Đ 250.000đ; Truy thu của H 250.000đ. Tổng cộng là 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

- Người bào chữa cho bị cáo Lục Văn T có luận cứ như sau: Về nội dung diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo đã được nêu đầy đủ trong cáo trạng cũng như bản luận tội của Đ diện Viện kiểm sát tôi xin phép không nhắc lại. Hành vi "Buôn lậu" đã được làm rõ tại phiên tòa hôm nay, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, do đó tôi nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố bị cáo về tội: "Buôn lậu" theo quy định tại khoản 1 Điều 188 của Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, trước khi lượng hình đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các vấn đề sau: Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, sống ở vùng kinh tế khó khăn là lao động chính trong gia đình, nghề nghiệp chủ yếu là chăn nuôi, có điều kiện kinh tế, có tài sản trâu, bò, xe máy (có xác nhận điều kiện kinh tế gia đình của chính quyền địa phương), có các tình tiết giảm nhẹ đó là: Đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận thức được hành vi của mình gây ra cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, ngoài ra bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng cần áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Với những căn cứ và tình tiết giảm nhẹ đã nêu ở trên: Đề nghị Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 188; Điều 35; Điều 54 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng hình phạt chính là hình phạt tiền 40.000.000đ, là mức thấp nhất theo đề nghị của Đ diện Viện kiểm sát.

- Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn T và Ng có luận cứ như sau: T có rủ T cùng góp vốn để mua trâu về bán kiếm lời cùng chia nhau, T không phải là người trực tiếp và thuê người dắt trâu và thực tế T cũng chưa được hưởng lợi gì. Còn Ng mục đích chỉ dắt trâu thuê và số tiền T đã trả cho 1.200.000đ đã thanh toán cho ba người cùng dắt trâu là 750.000đ, còn lại số tiền mình được hưởng, ngoài ra không có mục đích nào khác. T có thời gian phục vụ trong quân đội, Ng là người mù chữ, tại Tòa hai bị cáo cũng đã nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo Ng trước khi xét xử đã đem số tiền 10.000.000đ tạm nộp vào Chi cục

thi hành án dân sự huyện Q, bị cáo Ng phạm tội chưa đạt. Do vậy, trước khi lượng hình đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các vấn đề sau: Các bị cáo sống ở vùng sâu vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn cũng vì cuộc sống mưu sinh, ham lợi trước mắt đã thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, trước khi chưa phạm tội tại địa phương nơi cư trú luôn chấp hành tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thật thà khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử cho hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Gia đình các bị cáo có điều kiện kinh tế (có xác nhận điều kiện kinh tế của Ủy ban nhân dân xã C). Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 188; Điều 35; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự, đề nghị hình phạt tiền là hình phạt chính với mức thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát đối với T; Áp dụng khoản 1 Điều 189; Điều 35; điểm i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự, đề nghị hình phạt tiền là hình phạt chính với mức thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát đối với Ng.

Cả ba bị cáo Lục Văn T, Hoàng Văn T và Ng đều nhất trí với lời đề nghị của người bào chữa cho mình, không có ý kiến gì bổ sung.

Các bị cáo nhất trí nội dung Cáo trạng đã truy tố cũng như nội dung bản luận tội, các bị cáo không có tranh luận gì và dề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và phù hợp các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận như sau: Bị cáo Lục Văn T và Hoàng Văn T có bàn bạc, thống nhất cùng góp vốn chung để mua trâu về bán qua Trung quốc để kiếm lời, vật chứng thu giữ 04 con trâu với khối lượng là 1.920kg.Tính giá trị theo kết luận định giá là 134.400.000đ, bị cáo T là người trực tiếp giao dịch với người Trung Quốc tên "Woong" hẹn ngày giờ địa điểm mua bán số trâu trên. Ngoài ra đối với Ng sau khi được T gọi Đ thoại thỏa thuận nhờ tìm người và trực tiếp vận chuyển số trâu trên đến Mốc 715 để giao cho người

Trung Quốc, trực tiếp bị cáo Ng vừa dắt trâu và hưởng tiền chênh lệch của những người thuê dắt trâu mỗi con 50.000đ. Hành vi của các bị cáo Lục Văn T và Hoàng Văn T đã phạm vào tội "Buôn lậu" theo quy định tại khoản 1 Điều 188 của Bộ luật hình sự; Hành vi của bị cáo Ng đã phạm vào tội "Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới" theo quy định tại khoản 1 Điều 189 của Bộ luật hình sự, do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố các bị cáo Lục Văn T và Hoàng Văn T về tội: "Buôn lậu" theo khoản 1 Điều 188 của Bộ luật hình sự. Ng về tội: "Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới" theo khoản 1 Điều 189 của Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến việc quản lý ngoại thương. Về ý thức chủ quan các bị cáo nhận thức được việc buôn lậu và vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới là vi phạm pháp luật, nhưng thấy việc buôn lậu và vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, dễ kiếm tiền trước mắt, nên các bị cáo đã liên kết lại với nhau, cùng góp vốn đi mua trâu để bán kiếm lời, người vận chuyển thuê thì được hưởng tiền công, tiền chênh lệch nếu sự việc trót lọt. Hành vi của các bị cáo đã xâm hại đến nền kinh tế đất nước, gây thất thu cho Nhà nước, gây ảnh hưởng đến sức cầy kéo của nhân dân, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an tại địa phương, loại tội phạm này trong thời gian gần đây thường xuyên xảy ra gần biên giới, đường biên dài, đường mòn lối mở nhiều, lợi dụng sự sơ hở của cơ quan chức năng để buôn bán kiếm tiền bất chính, gây nhiều bức xúc trong nhân dân nên việc đưa các bị cáo ra xét xử là nhằm T truyền rộng rãi trong nhân dân về việc chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật, việc có hình phạt nghiêm đối với bị cáo để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật là rất cần thiết.

Phân hóa vai trò phạm tội trong vụ án thấy rằng bị cáo Lục Văn T giữ vai trò chính. Sau khi bàn bạc, thống nhất với T cùng góp vốn làm ăn chung, nên ngày 15/12/2021 T đã trực tiếp liên lạc mua 03 con trâu đực với Nông Văn P, trú tại xã D, huyện H với giá 126.400.000đ. Sau đó ngày 16/12/2021, cả hai mua thêm được 01 con trâu đực với Hoàng Văn Đ, sinh năm 1994, trú tại L, C, Q với giá 45.000.000đ, khi đủ hàng Lục Văn T đã trực tiếp liên lạc với đối tượng tên "Woong" người Trung Quốc qua ứng dụng Wechat để thỏa thuận, thống nhất giá bán 04 con trâu là 51.500 Nhân dân tệ, tiền sẽ được thanh toán khi nhận đủ số trâu. Woong còn yêu cầu đA số ký hiệu lên sừng trâu theo số la mã IV, VI, VII, VIII và thông báo sẽ nhận trâu tại mốc biên giới 715 thuộc xóm Lũng Giỏng, C, Q. Qua nhiều đối tượng dắt trâu trước đó tập kết đến đồi thông như trong nội dung bản cáo trạng tRy tố. Sau đó, T gọi Đ thoại trực tiếp cho Ng ra khu vực đồi thông nhận trâu và tìm người vận chuyển trâu lên Mốc 715 để giao cho người Trung Quốc với giá là 300.000đ/01con. Nhưng do người Trung Quốc chưa ra nhận nên T báo cho Ng tiếp tục trông giữ trâu ở đồi thông. Đến ngày 17/12/2021, khoảng 09 giờ, T báo cho Ng vận chuyển trâu từ khu vực đồi thông lên Mốc 715. Ng trực tiếp dắt 01 con và thuê Hà, Lợi, Đài cùng trú tại T, C, Q dắt 03 con còn lại. Khoảng 17 giờ cùng ngày, khi Ng và H, L, Sầm Văn Đ đang tập kết trâu ở Mốc 715 đợi người Trung Quốc đến nhận, thì bị các cơ quan chức năng bắt quả tang thu giữ 04 con trâu và 04 chiếc Đ thoại di động. Xác định trong vụ án này trước khi thực hiện hành vi

phạm tội, bị cáo T, T và Ng có sự thống nhất về phương thức góp vốn, mua, bán, vận chuyển trâu, nhưng các bị cáo không có sự bàn bạc, phân vai, phân việc chặt chẽ, nên chỉ xác định là đồng phạm giản đơn, không coi là đồng phạm phức tạp. Nên không lấy đây làm tình tiết định khung tăng nặng đối với các bị cáo mà chỉ lấy đây làm căn cứ tính mức hình phạt tương ứng đối với hành vi của từng bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Cả ba bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cả ba bị cáo Lục Văn T, Hoàng Văn T và Ng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận thức được việc làm của mình, do đó các bị cáo sẽ được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra cả ba bị cáo Lục Văn T, Hoàng Văn T và Ng đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là dân tộc thiểu số, sống ở vùng đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế, mục đích phạm tội chỉ để phục vụ cho cuộc sống mưu sinh của gia đình, tại địa địa phương gia đình các bị cáo luôn chấp hành tốt mọi chủ trương chính sách Đảng và pháp luật của Nhà nước, do đó các bị cáo sẽ được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự

[5] Xét ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo Lục Văn T, Hoàng Văn T và Ng thấy rằng ý kiến đưa ra xem xét về trình độ nhận thức xã hội, nhân thân, hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ đối với cả ba bị cáo là phù hợp với hành vi của các bị cáo, và chứng minh các bị cáo hiện nay điều kiện kinh tế đều đủ điều kiện để áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền. Đề nghị Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 35 của Bộ luật hình sự áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với cả 3 bị cáo. Tuy nhiên người bào chữa cho bị cáo Ng đưa ra căn cứ bị cáo phạm tội chưa đạt và bị cáo tự nộp số tiền vào Chi cục thi hành án đối với số tiền phải truy thu để áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q đối đáp lại ý kiến tranh luận của những người bào chữa cho Lục Văn T, Hoàng Văn T và Ng, qua phân tích các tình tiết giảm nhẹ, hành vi phạm tội, nhân thân, vật chứng của vụ án có quan điểm cơ bản nhất trí một số ý kiến đề nghị của người bào chữa cho ba bị cáo đối với hình phạt tiền là hình phạt chính để sung quỹ Nhà nước là phù hợp (Lý do, có xác nhận điều kiện kinh tế của Ủy ban nhân dân xã C).

Từ những căn cứ và phân tích nêu trên. Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của Đ diện Viện kiểm sát đưa ra là có căn cứ, phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Còn việc đề nghị của người bào chữa cho Ng chứng minh bị cáo phạm tội chưa đạt, trường hợp này không được áp dụng đối với hình phạt tiền, trước khi xét xử bị cáo đã đem số tiền tự nộp vào Chi cục thi hành án dân sự để khắc phục số tiền sẽ bị truy thu do hưởng lợi bất chính mà có, để áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là không có căn cứ cần bác yêu cầu này. Lý do, tại Tòa cũng đã làm rõ ý thức chủ quan của bị cáo Ng mục đích đem nộp số tiền này là chứng minh bị cáo có điều kiện kinh tế để đề nghị xét xử hình phạt chính là hình phạt tiền, ngoài ra

không có mục đích gì khác. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét để đưa ra một mức án phù hợp khi lượng hình.

[6] Đối với Nông Văn P, Hoàng Văn Đ, Lưu Văn Đ, Phan Thị T, Giang Thị Đ, Trương Thị M, Dương Thị Kim Đ, Sầm văn L, Nông Thị Ng, Phan Văn D tham gia vào quá trình gửi trâu, mua bán, vận chuyển 04 con trâu là tang vật của vụ án. Tuy nhiên, chỉ gửi nhờ, mua, bán vận chuyển trong khu vực nội địa Việt Nam, không biết mục đích mua bán, vận chuyển trái phép qua biên giới của các bị cáo, nên hành vi không vi phạm pháp luật, nên không xử lý là phù hợp.

[7] Đối với người đàn ông Trung Quốc tên "Woong" đã liên lạc mua bán trâu với T, do là người nước ngoài không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý ở vụ án này là phù hợp.

[8] Đối với Đ, L và H chỉ vận chuyển qua biên giới mỗi người một con trâu, giá trị hàng hóa dưới 100.000.000đ chưa cấu thành tội phạm. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q ra quyết định xử phạt hành chính là phù hợp.

[9] Vật chứng thu giữ của vụ án: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 quyển vở có dòng kẻ, phần bìa vỏ có nhiều màu, bên trên có in dòng chữ "HỒNG HÀ", các trang giấy viết có nhiều chữ, số được viết bằng mực màu đen. Tình trạng quyển vở: cũ, đã qua sử dụng, phần bìa đã bị tách rời khỏi phần giấy viết, lý do Hoàng Văn T không yêu cầu lấy lại.

- Trả lại cho H: 01 Đ thoại di động, nhãn hiệu FPT, màu đen, số IMEI 1: 980011005260022, số IMEI 2: 980011005310520. Tình trạng Đ thoại: cũ, đã qua sử dụng, được gắn sim số 0825201387, không liên quan đến vụ án.

- Trả lại cho L: 01 Đ thoại di động, nhãn hiệu VSMART, màu đen, số IMEI 1: 335123112066312, số IMEI 2: 355123112066320. Tình trạng Đ thoại: cũ, đã qua sử dụng, được gắn sim số 0364207603, không liên quan đến vụ án.

- Trả lại cho Đ: 01 Đ thoại di động, nhãn hiệu VIVO, màu đỏ, số IMEI 1: 865635047963258, số IMEI 2: 865635047963241 (thực tế không kiểm tra được số IMEI đo không có mật khẩu Đ thoại). Tình trạng Đ thoại: cũ, đã qua sử dụng, được gắn sim số 0971102783, không liên quan đến vụ án.

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước: 01 túi Zíp bên trong có chứa số tiền bán vật chứng là 130.620.000đ (Một trăm ba mươi triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng). Bên ngoài túi Zíp có đóng dấu đỏ và 02 tem niêm phong tài sản của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhA huyện Q, tỉnh Cao Bằng và có chữ ký của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

- Tịch thu, phát mại sung quỹ Nhà nước gồm: 01 Đ thoại NOKIA, màu đen số IMEI 1: 355828091220587, số IMEI 2: 355828099220589. Tình trạng Đ thoại: cũ, đã qua sử dụng; 01 Đ thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG, màu đen, số IMEI 1: 355915101284891/01, số IMEI 2: 355916101284899/01. Tình trạng Đ thoại: cũ, đã qua sử dụng (Đều của Lục Văn T); 01 Đ thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu hồng nhạt, không thể kiểm tra số IMEI trên Đ thoại. Tình trạng Đ thoại cũ: cũ, đã qua sử dụng, tại màn hình cảm ứng của máy có các vết rạn, vỡ màn

hình của Hoàng Văn T; 01 Đ thoại di động, nhãn hiệu VIVO, màu xanh nhạt, số IMEI 1: 865652057769616, số IMEI 2: 865652057769608. Tình trạng Đ thoại: cũ, đã qua sử dụng, của Ng, những chiếc Đ thoại này đã liên lạc mua, bán, vận chuyển là vật chứng của vụ án.

- Tịch thu tiêu hủy gồm: 02 sim Đ thoại số 0976807456, 0987211251 (của Lục Văn T); 01 sim Đ thoại số 0988750347 (của Hoàng Văn T); 01 sim Đ thoại số 0386223188 (của Ng), những chiếc sim Đ thoại này đã liên lạc mua, bán, vận chuyển là vật chứng của vụ án.

Xác nhận số vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao, nhận vật chứng số: 17, hồi 10 giờ 00 Pt, ngày 11/3/2022 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Q.

- Truy thu số tiền do hưởng lợi bất chính từ việc vận chuyển, dắt trâu thuê, cụ thể như sau: Truy thu của Ng 450.000đ; Truy thu của L 250.000đ; Truy thu của Đ 250.000đ; Truy thu của H 250.000đ. Tổng cộng là 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

[10] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội: "Buôn lậu" và "Vận chuyển hàng hóa trái phép qua biên giới", lẽ ra ngoài hình phạt chính, các bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 188, khoản 4 Điều 189 Bộ luật hình sự. Nhưng xét thấy các bị cáo Lục Văn T, Hoàng Văn T và Ng đã áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo như Đ diện Viện kiểm sát và người bào chữa đề nghị là có căn cứ.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. T bố: Bị cáo Lục Văn T, Hoàng Văn T phạm tội: "Buôn lậu"; Bị cáo Ng phạm tội: "Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới".

2. Áp dụng khoản 1 Điều 188; Điều 35; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 54; các Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật hình sự.

- *Về hình phạt:* Áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, xử phạt bị cáo Lục Văn T 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), để sung quỹ Nhà nước.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 188; Điều 35; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 54; các Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật hình sự.

- *Về hình phạt:* Áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), để sung quỹ Nhà nước.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 189; Điều 35; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự.

- *Về hình phạt:* Áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, xử phạt bị cáo Ng 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng), để sung quỹ Nhà nước.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

5. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 quyển vở có dòng kẻ, phần bìa vỏ có nhiều màu, bên trên có in dòng chữ "HỒNG HÀ", các trang giấy viết có nhiều chữ, số được viết bằng mực màu đen. Tình trạng quyển vở: cũ, đã qua sử dụng, phần bìa đã bị tách rời khỏi phần giấy viết, lý do Hoàng Văn T không yêu cầu lấy lại.

- Trả lại cho H: 01 Đ thoại di động, nhãn hiệu FPT, màu đen, số IMEI 1:980011005260022, số IMEI 2: 980011005310520. Tình trạng Đ thoại: cũ, đã qua sử dụng, được gắn sim số 0825201387.

- Trả lại cho L: 01 Đ thoại di động, nhãn hiệu VSMART, màu đen, số IMEI 1: 335123112066312, số IMEI 2: 355123112066320. Tình trạng Đ thoại: cũ, đã qua sử dụng, được gắn sim số 0364207603.

- Trả lại cho Đ: 01 Đ thoại di động, nhãn hiệu VIVO, màu đỏ, số IMEI 1: 865635047963258, số IMEI 2: 865635047963241 (thực tế không kiểm tra được số IMEI đo không có mật khẩu Đ thoại). Tình trạng Đ thoại: cũ, đã qua sử dụng, được gắn sim số 0971102783.

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước: 01 túi Zíp bên trong có chứa số tiền bán vật chứng là 130.620.000đ (Một trăm ba mươi triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng). Bên ngoài túi Zíp có đóng dấu đỏ và 02 tem niêm phong tài sản của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhA huyện Q, tỉnh Cao Bằng và có chữ ký của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

- Tịch thu, phát mại sung quỹ Nhà nước gồm: 01 Đ thoại NOKIA, màu đen số IMEI 1:355828091220587, số IMEI 2:355828099220589. Tình trạng Đ thoại: cũ, đã qua sử dụng; 01 Đ thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG, màu đen, số IMEI 1:355915101284891/01, số IMEI 2:355916101284899/01. Tình trạng Đ thoại: cũ, đã qua sử dụng (Đều của Lục Văn T); 01 Đ thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu hồng nhạt, không thể kiểm tra số IMEI trên Đ thoại. Tình trạng Đ thoại cũ: cũ, đã qua sử dụng, tại màn hình cảm ứng của máy có các vết rạn, vỡ màn hình của Hoàng Văn T; 01 Đ thoại di động, nhãn hiệu VIVO, màu xanh nhạt, số IMEI 1:865652057769616, số IMEI 2: 865652057769608. Tình trạng Đ thoại: cũ, đã qua sử dụng, của Ng, những chiếc Đ thoại này đã liên lạc mua, bán, vận chuyển là vật chứng của vụ án.

- Tịch thu tiêu hủy gồm: 02 sim Đ thoại số 0976807456, 0987211251 (của Lục Văn T); 01 sim Đ thoại số 0988750347 (của Hoàng Văn T); 01 sim Đ thoại số 0386223188 (của Ng), những chiếc sim Đ thoại này đã liên lạc mua, bán, vận chuyển là vật chứng của vụ án.

Xác nhận số vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao, nhận vật chứng số: 17, hồi 10 giờ 00 Pt, ngày 11/3/2022 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Q.

- Truy thu số tiền do hưởng lợi bất chính từ việc vận chuyển, dắt trâu thuê, cụ thể như sau: Truy thu của Ng 450.000đ; Truy thu của L 250.000đ; Truy thu của Đ

250.000đ; Truy thu của H 250.000đ. Tổng cộng số tiền là: 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng), để sung quỹ Nhà nước.

6. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Lục Văn T, Hoàng Văn T và Ng phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng), để sung quỹ Nhà nước.

7. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Áp dụng Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND Huyện, Tỉnh;
- Công an huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Sở tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Các Bị cáo;
- Người có QL& NVLQ;
- Người bào chữa cho các bị cáo;
- UBND xã C;
- Lưu: HS,THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bá Thanh

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Đức Thà Lê Đ Tiến Nguyễn Bá Thanh